

QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM GIAI ĐOẠN 1994 - 2008

ĐỖ PHÚ TRẦN BÌNH

Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là một vấn đề được các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà kinh tế quan tâm trong mỗi giai đoạn phát triển của các quốc gia cũng như ở các địa phương. Bài viết này tập trung đi vào phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trên địa bàn TP. HCM giai đoạn 1994 - 2008, qua đó, đề xuất một số giải pháp góp phần giải quyết tốt mối quan hệ này trong thời gian tới.

1. Một số lý luận về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

Simon Kuznets (1901-1985), nhà kinh tế học người Mỹ cho rằng: Bất bình đẳng là một hệ quả của quá trình tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn đầu, khi GNP/người tăng thì tình trạng bất bình đẳng tăng, mãi đến giai đoạn trình độ phát triển cao hơn, tình trạng bất bình đẳng mới bắt đầu giảm đi, khi đó, thu nhập và phúc lợi có xu hướng được phân phối công bằng hơn. Vì vậy, theo ông mối quan hệ giữa tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người và sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập có dạng chữ U ngược.

Athur Lewis (1915 -1991) đồng tình với Simon Kuznets về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng theo hình chữ U ngược. Nhưng Lewis tập trung giải thích nguyên nhân dẫn tới hình chữ U ngược trên cơ sở mô hình lý thuyết nhị nguyên.

Ông cho rằng trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển kinh tế tồn tại hai khu vực: khu vực công nghiệp với tiền lương cao và khu vực nông nghiệp với tiền lương thấp. Do đó, việc mở rộng quy mô sản xuất khu vực công nghiệp sẽ thu hút một số lượng lớn lao động từ nông nghiệp và nhà tư bản chỉ trả tiền lương công nhân ở mức thấp. Như vậy, thu nhập của nhà tư bản vừa tăng lên do quy mô sản xuất mở rộng, vừa tăng lên do lao động của công nhân đem lại.

Ở giai đoạn sau, sự bất bình đẳng giảm đi vì lao động dư thừa được thu hút hết vào khu vực thành thị - công nghiệp và dịch vụ thì lúc này lao

động trở nên khan hiếm trong sản xuất. Cung lao động giảm, cầu lao động tăng lên đòi hỏi phải tăng tiền lương cho người lao động. Điều này sẽ làm cho bất bình đẳng giảm.

Theo ông bất bình đẳng không chỉ là kết quả của tăng trưởng kinh tế mà còn là điều kiện cần thiết để tăng trưởng kinh tế. Do đó, bất kỳ một sự hấp tấp vội vã trong chính sách nhằm nhanh chóng xóa bỏ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của giai đoạn đầu phát triển có thể ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế.

Theo World Bank, nguyên nhân cơ bản của tình trạng bất bình đẳng là do sự bất công trong vấn đề sở hữu mà đặc biệt là vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất. Vì vậy, cần phải phân phối lại các thành quả của tăng trưởng kinh tế, sao cho cùng với thời gian, phân phối thu nhập dần dần cải thiện. Nó bao gồm phân phối lại của cải (tài sản) và phân phối lại từ tăng trưởng kinh tế. Ở các nước đang phát triển, chính sách để phân phối lại tài sản bao gồm: chính sách cải cách ruộng đất, chính sách nhằm tăng cường cơ hội giáo dục cho nhiều người.

Dại hội Đảng lần VIII (1996) của Đảng Cộng sản VN cũng đã chỉ rõ: “Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có sự bóc lột, và phân hoá giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả”[1].

Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI (1996) đã xác định: “Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, phải giải quyết tốt các vấn đề văn hoá – xã hội; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong suốt quá trình phát triển”[2].

Như vậy, quan điểm của các nhà kinh tế cũng như của các nhà hoạch định chính sách cho thấy quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là quan hệ của hai mặt đối lập. Trong đó, tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện công bằng xã hội, và ngược lại thực hiện tốt công bằng xã hội sẽ tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu vừa là phương tiện để giải quyết vấn đề xã hội. Không thể có công bằng xã hội trên cơ sở một nền kinh tế tụt hậu, kém phát triển và cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững trong một xã hội tồn tại nhiều bất bình đẳng với một bộ phận lớn dân cư nghèo khổ, thất nghiệp cao.

2. Thực trạng quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội tại TP.HCM giai đoạn 1994 - 2008

2.1 Việc làm, thu nhập và mức sống của người dân trong quá trình tăng trưởng kinh tế

Thời gian qua kinh tế thành phố tăng trưởng khá tốt đã có tác dụng tích cực đến vấn đề giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao mức sống người dân trên địa bàn thành phố.

Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 1991 – 1995 thành phố đã giải quyết việc làm cho 100.000 lao động; giai đoạn 1996 – 2000 là 180.000 lao động; giai đoạn 2001 – 2005 là 210.000 lao động và giai đoạn 2006 – 2008 là 270.000 lao động. Điều này đã góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành phố từ mức 6,8% trong năm 2001, xuống còn 5,4% năm 2008. [3]

Kinh tế thành phố tăng trưởng liên tục qua các năm đã góp phần làm tăng thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thành phố. Giai đoạn 1990 – 1995, GDP/người ở thành phố tăng bình quân là 11,16%; giai đoạn 1996 – 2000 là 7,8%; giai đoạn 2000 – 2005 là 7,06%. GDP bình quân đầu người của thành phố năm 2000 là 1.365 USD/người/năm đến năm 2005 là 1.920 USD/người/năm và đến năm 2008 đạt 2.500 USD/người/năm [4].

Mức sống dân cư thành phố ngày càng tăng

được thể hiện thông qua việc chỉ tiêu bình quân của một người một tháng trên toàn thành phố ngày càng tăng. Nếu như năm 2002 chỉ tiêu bình quân một người một tháng trên toàn thành phố là 665.980 đồng thì đến năm 2002 chỉ tiêu bình quân là 802.170 đồng; năm 2006 là 1.025.110 đồng và năm 2008 tăng lên 1.618.150 đồng.[5]

2.2 Tăng trưởng kinh tế với vấn đề xoá đói giảm nghèo của thành phố

Thành tựu về tăng trưởng kinh tế thời gian qua đã tác động tích cực đến vấn đề xoá đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố. Chương trình xoá đói giảm nghèo của thành phố bắt đầu được chính thức triển khai thực hiện vào đầu năm 1992. Thời điểm này, toàn thành phố có 121.722 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 17% tổng số hộ dân. Đến cuối năm 1998, số hộ nghèo giảm còn 88.826 hộ, chiếm 11,82%. Năm 2004, thành phố tiếp tục chuyển sang giai đoạn 2 với tiêu chí nghèo được nâng cao hơn (thu nhập bình quân dưới 6 triệu đồng/người/năm tính chung cho cả khu vực nội thành và ngoại thành), số hộ nghèo được thống kê là 89.090 hộ, chiếm 7,72% tổng số hộ dân toàn thành phố và đến cuối năm 2008, trên địa bàn thành phố chỉ còn 5.025 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,34%. [6]

Tổng nguồn vốn huy động cho chương trình xoá đói giảm nghèo thành phố trong giai đoạn 1992 – 2008 đạt hơn 7.250 tỷ đồng. Chương trình đã trực tiếp hỗ trợ, chăm lo cho hơn 200.000 hộ tự vươn lên thoát đói, giảm nghèo.

2.3 Tăng trưởng kinh tế và vấn đề phân hoá thu nhập

Thành tựu về tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố thời gian qua đã phản ánh được sự tăng trưởng kinh tế thành phố đã trải rộng trên khắp các khu vực trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trên địa bàn thành phố có xu hướng ngày càng gia tăng.

Theo số liệu của Cục Thống kê TP.HCM, hệ số chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và 20% nghèo nhất trong tổng dân số của thành phố có xu hướng ngày càng dân ra từ 6,17 lần năm 2002 lên 6,19 lần năm 2004; năm 2006 là 6,24 lần và năm 2008 tăng lên 6,37 lần.

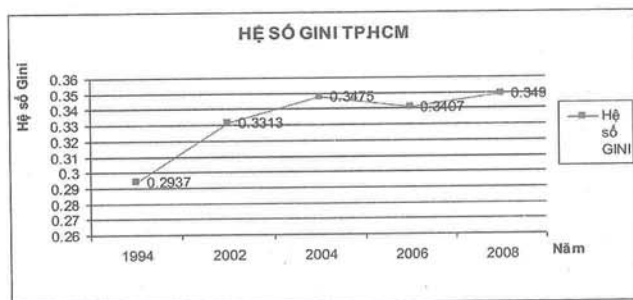
Bảng 1: Thu nhập bình quân một người 1 tháng
(Đơn vị: nghìn đồng)

Chia theo nhóm thu nhập	1994	2002	2004	2006	2008
Thu nhập bình quân toàn thành	413,3	904,1	1.164,8	1.465	2.263,4
Nhóm 1	158,3	316,4	430,8	552,4	838,9
Nhóm 2	240,6	525,2	635,4	826,2	1.275,8
Nhóm 3	322,3	721,6	870,0	1.080,6	1.672,5
Nhóm 4	439,8	1.008,8	1.219,0	1.490,0	2.231,5
Nhóm 5	1.081,6	1.951,7	2.668,3	3.448,9	5.297,6
Chênh lệch giữa nhóm 5 và nhóm 1	6,83 lần	6,17 lần	6,19 lần	6,24 lần	6,37 lần

Nguồn: 30 năm - TP.HCM: số liệu chủ yếu 1976 – 2005 và Niên giám thống kê TP.HCM năm 2008

Căn cứ vào số liệu thống kê ở bảng trên, hệ số Gini của các năm ở thành phố tính được như sau:

Biểu đồ 2.1 : Hệ số Gini của TP.HCM giai đoạn 1994 – 2008



Qua các kết quả tính trên cho thấy hệ số Gini của thành phố có xu hướng tăng qua các năm từ 0,2937 năm 1994 tăng lên 0,3313 năm 2002; 0,3475 năm 2004; năm 2006 giảm xuống còn 0,3407 nhưng đến năm 2008 tăng lên 0,349. Điều đó, phản ánh chênh lệch giàu nghèo ở thành phố ngày càng nổi rộng.

Phân hoá giàu nghèo giữa nội thành và ngoại thành cũng là một vấn đề đáng quan tâm trong quá trình tăng trưởng kinh tế của thành phố. Mặc dù khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn ở thành phố ngày càng thu hẹp, nếu như năm 1994 chênh lệch về thu nhập bình quân một người một tháng giữa thành thị và nông thôn trên địa bàn thành phố là 1,5 lần; năm 2002 là 1,8 lần; năm 2004 giảm xuống còn 1,75 lần; năm 2006 là 1,57 lần và năm 2008 tăng lên 1,78 lần. Nhưng nhìn chung đây vẫn là một khoảng cách còn khá

lớn so với yêu cầu của phát triển.

Bảng 2: Thu nhập bình quân một người một tháng chia theo khu vực trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 1994 - 2008

(Đơn vị: nghìn đồng)

Chia theo khu vực	1994	2002	2004	2006	2008
Thu nhập bình quân toàn thành	413,3	904,1	1.164,8	1.465,0	2.263,4
Thành thị	460,8	987,0	1.266,9	1.552,7	2.409,3
Nông thôn	306,6	549,0	726,0	988,3	1.352,2
Chênh lệch (lần)	1,5 lần	1,8 lần	1,75 lần	1,57 lần	1,78 lần

Nguồn: 30 năm - TP.HCM: số liệu chủ yếu 1976 – 2005 và Niên giám thống kê TP.HCM năm 2008

Về mức sống giữa thành thị và nông thôn cũng phân hoá thể hiện chênh lệch chỉ tiêu bình quân một người một tháng giữa thành thị và nông thôn. Nếu như năm 2002, chỉ tiêu bình quân một người một tháng ở khu vực thành thị là 724.510 đồng thì ở khu vực nông thôn là 331.910 đồng/người/tháng với khoảng cách là 2,24 lần thì đến năm 2004 khoảng cách này là 1,7 lần, năm 2006 khoảng cách này là 1,7 lần và năm 2008 khoảng cách này là 1,88 lần.

Bảng 3 : Chỉ tiêu bình quân một người một tháng trên thành phố

Chỉ tiêu	2002	2004	2006	2008
Toàn thành phố	665.980	826.800	1.052.130	1.618.150
Khu vực thành thị	742.510	894.350	1.135.100	1.739.580
Khu vực nông thôn	331.910	524.280	667.630	924.570
Chênh lệch giữa thành thị và nông thôn	2,24 lần	1,7 lần	1,7 lần	1,88 lần

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM năm 2008

2.4 Tăng trưởng kinh tế với việc nâng cao phúc lợi xã hội của thành phố

Trong quá trình tăng trưởng kinh tế, chính quyền thành phố luôn chú trọng quan tâm đến việc chăm lo phúc lợi xã hội cho người dân thành phố. Giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khoẻ được xem là nhiệm vụ trung tâm trong việc nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế của thành phố.

Tuy nhiên, hoạt động y tế trên địa bàn thành phố vẫn còn một số hạn chế. Hiện nay đội ngũ bác sĩ ở các bệnh viện còn thiếu, tỷ lệ 8 bác sĩ

/10.000 dân hiện nay, dẫn đến tình trạng quá tải trong ngành y tế, khó đảm bảo chất lượng cao trong điều trị. Giá thuốc tăng cao, các khoản viện phí cao trở thành gánh nặng đối với bệnh nhân, nhất là bệnh nhân nghèo. Còn tình trạng phân biệt giữa khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế và không bảo hiểm y tế. Chất lượng phục vụ, vấn đề y đức, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động y tế còn là những nỗi lo lớn của người bệnh và của ngành y tế.

Giáo dục trên thành phố cũng còn nhiều hạn chế. Học phí và các khoản đóng góp khác liên quan đến học tập của học sinh các cấp trên địa bàn thành phố ngày càng gia tăng là gánh nặng đối với các gia đình, đặc biệt là các gia đình nghèo.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật không theo kịp phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh gây nhiều khó khăn trong đời sống và sinh hoạt hàng ngày của người dân thành phố. Ùn tắc giao thông, vấn nạn kẹt xe và ngập nước ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Ô nhiễm môi trường sinh thái, môi trường nước ngày càng tăng đe dọa đến đời sống và sức khỏe của người dân.

3. Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội thông qua điều tra khảo sát

Để nhận diện thực tế việc đánh giá của người dân trên địa bàn TP.HCM về các vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát đánh giá của người dân ở thành phố trên các lĩnh vực về đời sống, nhà ở, điện nước, giao thông, giáo dục, y tế,... Tổng phiếu điều tra thu được là 539 phiếu. Trong đó, đối tượng tham gia điều tra khảo sát được thể hiện thông qua bảng sau:

Bảng 4: Đối tượng tham gia điều tra khảo sát tháng 4 năm 2009

Nghề nghiệp	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Cán bộ, VC nhà nước	73	13,54
Nhân viên các công ty	270	50,09
Công nhân	44	8,16
Nông dân	8	1,48
Buôn bán nhỏ	52	9,65
Khác	92	17,07
Tổng cộng	539	100,00

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra tháng 4/2009

Kết quả của cuộc điều tra khảo sát cho thấy:

Về mức sống dân cư trong quá trình tăng trưởng kinh tế của thành phố: Số trả lời đánh giá cuộc sống hiện nay trên địa bàn thành phố tốt hơn trước chỉ chiếm tỷ lệ 11,26%; số trả lời đánh giá cuộc sống hiện nay kém hơn trước chỉ chiếm tỷ lệ 3,56%. Trong khi đó, số trả lời đánh giá cuộc sống hiện nay tốt hơn trước nhưng áp lực ngày càng cao chiếm tỷ lệ cao nhất 82,18%. Cũng trong khảo sát của đề tài, trong 10 vấn đề quan tâm nhất, thì vấn đề ăn uống hàng ngày xếp vị trí thứ 3; vấn đề các quan hệ xã hội xếp vị trí thứ 8; nhu cầu vui chơi giải trí xếp thứ 9 và thời sự chính trị trong ngoài nước xếp vị trí cuối cùng thứ 10. Điều này phản ánh thời gian qua tăng trưởng kinh tế đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn thành phố nhưng áp lực về cuộc sống hiện nay cao hơn rất nhiều so với trước đây.

Về vấn đề nhà ở: Chỉ có 4,5% số khảo sát đánh giá nhà ở hiện nay tốt hơn trước; 51,22% đánh giá tình trạng nhà ở hiện nay tốt hơn trước nhưng giá cả ngày càng cao; 28,52% đánh giá tình trạng nhà ở hiện nay tốt hơn trước nhưng vượt quá khả năng chi trả của bản thân; 10,69% đánh giá tình trạng nhà ở kém hơn trước nhưng giá cả ngày càng cao và 2,81% số khảo sát cho rằng tình trạng nhà ở kém hơn trước nhưng vượt quá khả năng chi trả của bản thân. Cũng qua khảo sát, trong 10 vấn đề mà người dân thành phố quan tâm nhất thì vấn đề nhà ở xếp vị trí thứ 2. Qua đó, có thể thấy vấn đề nhà ở trên địa bàn thành phố hiện nay là giá cả ngày càng tăng và vượt quá khả năng chi trả của người dân. Trong khi đó, một tỷ lệ rất lớn người dân trên địa bàn thành phố đang phải thuê nhà. Kết quả điều tra của đề tài có 219 người được khảo sát (40,63%) hiện đang ở nhà riêng hoặc ở chung với bố mẹ và 320 người (59,37%) hiện đang ở nhà thuê.

Về dịch vụ điện nước: Đánh giá dịch vụ điện nước tốt hơn trước chỉ chiếm tỷ lệ 7,94%; trong khi đánh giá dịch vụ điện nước kém hơn trước chiếm tỷ lệ lên đến 22,68% và đánh giá dịch vụ điện nước tốt hơn trước nhưng giá cả ngày càng cao chiếm tỷ lệ cao nhất 51,98%. Điều đó phản ánh giá cả điện nước ngày càng tăng là một sức ép rất lớn đến đời sống dân cư trên địa bàn thành phố, nhất là những đối tượng có thu nhập thấp.

Về hệ thống hạ tầng: Đánh giá về tình hình giao thông đi lại tốt hơn trước chỉ chiếm tỷ lệ

5,08%; trong khi đánh giá kém hơn trước chiếm tỷ lệ cao nhất lên đến 55,26% và 34,4% hy vọng sẽ tốt hơn khi các công trình được hoàn thành. Về tình hình ngập nước, chỉ có 3,95% đánh giá là tốt hơn trước; trong khi đến 43,05 % đánh giá kém hơn trước và 25,56% hy vọng sẽ tốt hơn khi các công trình được hoàn thành. Về tình hình kẹt xe, chỉ có 0,75% đánh giá tốt hơn trước; trong khi có đến 60,53% đánh giá kém hơn trước và 22,18% cho rằng sẽ tốt hơn khi các công trình được hoàn thành.

Về hệ thống giáo dục: Đánh giá hệ thống giáo dục tốt hơn trước chiếm tỷ lệ 21,63%; đánh giá hệ thống giáo dục kém hơn trước chiếm tỷ lệ 10,2%; đánh giá hệ thống giáo dục tốt hơn trước nhưng vượt quá khả năng chi trả của bản thân chiếm tỷ lệ 8,98% và đánh giá hệ thống giáo dục tốt hơn trước nhưng giá cả ngày càng cao chiếm tỷ lệ cao nhất 48,98%. Vấn đề học tập của bản thân đứng vị trí thứ 4 và học tập của con cái đứng vị trí thứ 7 trong 10 vấn đề mà người dân thành phố quan tâm nhất.

Về hệ thống y tế: Đánh giá hệ thống y tế tốt hơn trước chiếm tỷ lệ 17,18%; kém hơn trước 5,53%; đánh giá hệ thống y tế tốt hơn trước nhưng vượt quá khả năng chi trả của bản thân chiếm tỷ lệ 9,92% và đánh giá hệ thống y tế tốt hơn trước nhưng giá cả ngày càng cao chiếm tỷ lệ cao nhất 50,95%. Cũng trong khảo sát này, vấn đề sức khỏe của bản thân xếp vị trí thứ 1 trong 10 vấn đề được quan tâm nhất trong đời sống hàng ngày của người dân thành phố.

Qua các số liệu điều tra khảo sát trên, chúng ta có thể hình dung một bức tranh tổng thể là tăng trưởng kinh tế cao của thành phố thời gian qua đã góp phần nâng cao mức sống người dân, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, một tỷ lệ lớn người dân thành phố đánh giá các dịch vụ cơ bản như nhà ở, điện nước, giáo dục, y tế... thời gian qua tăng giá quá cao đang là một gánh nặng đối với đời sống người dân, nhất là những người có thu nhập thấp. Một tỷ lệ rất lớn đối tượng điều tra đánh giá hệ thống giao thông đi lại, ngập nước, kẹt xe ngày càng kém hơn so với trước đây. Đây là một thực tế đáng báo động về cơ sở hạ tầng trong quá trình phát triển kinh tế của thành phố.

4. Các giải pháp cơ bản

Một là, đẩy mạnh việc giải quyết việc làm cho

người lao động. Cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, tháo gỡ các rào cản về cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy, khuyến khích mọi nguồn lực trong các thành phần kinh tế ở thành phố phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo việc làm cho xã hội. Đặc biệt khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố. Nhà nước cần tập trung hỗ trợ thông tin cho các hộ sản xuất kinh doanh cá thể, tiểu chủ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ về các vấn đề đầu vào, đầu ra, hỗ trợ vay vốn, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến công trong việc cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp để chuyển đổi các mô hình kinh doanh từ sản xuất nhỏ, cá thể, tiểu chủ lên quy mô lớn hơn là các doanh nghiệp tư nhân hoặc các công ty trách nhiệm hữu hạn. Nếu thực hiện tốt được việc khuyến khích chuyển đổi này sẽ huy động được một nguồn lực lớn vào phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố và tạo ra được nhiều việc làm cho xã hội.

Xây dựng chương trình dạy nghề phục vụ cho thị trường lao động, cho đối tượng mới gia nhập thị trường lao động và đối tượng cần đào tạo lại để chuyển đổi công việc; đào tạo nâng cao tay nghề cho đối tượng đang làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.

Tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động để người lao động biết được những công việc đang có nhu cầu tuyển dụng lao động cùng với yêu cầu của từng ngành nghề đào tạo.

Hai là, chính quyền thành phố nên rà soát tình hình sử dụng nhà đất công trên địa bàn thành phố và kiến nghị với Trung ương kiên quyết thu hồi các mặt bằng do các cơ quan ban ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố đang sử dụng sai mục đích, hoặc kém hiệu quả. Dùng các mặt bằng này hoặc tiền bán đấu giá các mặt bằng để xây dựng các công trình phúc lợi như trường học, bệnh viện, nhà dưỡng lão, công viên, khu vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân thành phố, đặc biệt là người nghèo.

Ba là, thực hiện được chính sách nhà ở cho người có thu nhập thấp. Hiện nay, Chính phủ đang chủ trương thực hiện chính sách kích cầu, theo chúng tôi, chính quyền thành phố nên tận dụng cơ hội này để kích cầu đầu tư nhà ở xã hội. Để thực hiện thành công các dự án kích cầu nhà ở xã hội hiện nay, điều quan trọng là phải có cơ

chế tách bạch giữa việc quản lý vốn phát triển nhà ở xã hội với việc xây dựng nhà ở xã hội và việc quản lý cung ứng nhà ở xã hội. Có tách biệt như vậy, thì sự giúp đỡ của Nhà nước mới đến tay người dân có nhu cầu nhà ở xã hội thật sự.

Bốn là, sử dụng có hiệu quả công cụ thuế nhằm điều tiết thu nhập giữa các nhóm dân cư. Nhà nước cần phải đánh thuế các loại bất động sản, nên thực hiện đánh thuế lũy tiến vào bất động sản. Trong đó đánh thuế cao nhất là những nhà ở cao cấp, biệt thự, đánh thuế những dự án đất đai bỏ hoang, để tránh đầu cơ và góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Đối với thuế thu nhập cá nhân, chính quyền thành phố cần kiến nghị với cơ quan thuế, khi tính thuế thu nhập cá nhân phải căn cứ vào mức chi phí cho cuộc sống của từng vùng và điều kiện nhà ở của từng cá nhân. Có như vậy, mới đảm bảo tính công bằng trong việc thu thuế.

Thực hiện nghiêm minh và cương quyết trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người dân. Thực hiện tốt điều này, vừa tăng được các khoản thu từ thuế, vừa đảm bảo tính công bằng trong việc nộp thuế. Cần xử lý kiên quyết và phạt thật nặng đối với các đối tượng trốn thuế, gian lận thuế.

Bên cạnh việc thu thuế, cần quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn thu từ thuế, cần công khai rõ ràng việc sử dụng các nguồn thu từ thuế đầu tư vào các công trình phúc lợi trên địa bàn thành phố để người dân thấy được ý nghĩa từ những đóng góp của mình cho cộng đồng và cho xã hội.

Năm là, đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống những kẻ làm giàu bất hợp pháp. Trong đó, tập trung vào hai nhóm chính là những người buôn bán gian lận, lừa đảo, đầu cơ và nhóm cán bộ công chức tham ô tham nhũng■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Cảnh (2001), *Mức sống của người dân và diễn biến phân hoá giàu nghèo tại TP.HCM*, Viện Kinh tế.
2. Cục thống kê TP.HCM, *Niên giám Thống kê các năm 1993, 1996, 2000, 2004, 2006, 2007, 2008*.
3. Cục thống kê TP.HCM, *30 năm – TP.HCM: số liệu thống kê chủ yếu 1976 – 2005*.

4. Đảng Cộng sản VN (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng bộ TP.HCM (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ VI*.
6. GS.TS. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB LĐ-XH.
7. Sở Lao động, Thương binh & Xã hội TP.HCM, *Tham luận giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động trên địa bàn TP.HCM năm 2006 – 2007*.
8. Sở Lao động, Thương binh & Xã hội TP.HCM, *Báo cáo tình hình lao động – việc làm trên địa bàn TP.HCM năm 2008*.
9. Sở Lao động, Thương binh & Xã hội TP.HCM, *Báo cáo tổng kết 16 năm thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố 1992 – 2008*.
10. ThS. Đỗ Phú Trần Tình (chủ nhiệm), *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trên địa bàn TP.HCM*, Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2009.

Chú thích:

- [1] Đảng Cộng sản VN (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng bộ TP.HCM (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ VI*.
- [3] Sở Lao động, Thương binh & Xã hội TP.HCM, *Niên giám thống kê TP.HCM các năm 1994, 1999, 2004, 2006, 2007 và Báo cáo tình hình lao động – việc làm trên địa bàn TP.HCM năm 2008*.
- [4] Cục Thống kê TP.HCM, *30 năm – TP.HCM: số liệu thống kê chủ yếu 1976 – 2005; Niên giám thống kê TP.HCM năm 2006, 2007 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội TP.HCM năm 2008*.
- [5] Cục Thống kê TP.HCM, *Niên giám thống kê TP.HCM năm 2008*.
- [6] Sở Lao động, Thương binh & Xã hội TP.HCM, *Báo cáo tổng kết 16 năm thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố 1992 – 2008*.